

Số: 31/2025/CBTT-HHC
No: 31/2025/CBTT-HHC

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025
Hanoi, 31 March 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To Hanoi Stock Exchange

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Pursuant to Clause 3, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance guiding the disclosure of information on the securities market, Hai Ha Confectionery Joint Stock Company discloses Financial Statements for the Year 2024 to the Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

Organization information:

- Mã chứng khoán: HHC
Stock code: HHC
- Địa chỉ trụ sở chính: 25-27 đường Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.

Address: 25 – 27 Truong Dinh Street, Truong Dinh Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi City

- Điện thoại/Tel: 024 3863 2956 Fax: 024 3863 8730
- Email: Website: <http://www.haihaco.com.vn/>

2. Nội dung công bố/Content of disclosed information:

- BCTC năm 2024:

Financial Statements for the Year 2024

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

Separated FS (the listed company does not have subsidiaries, superior accounting unit with affiliated units);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

Consolidated FS (the listed company has subsidiaries);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

Combinied FS (the listed company has affiliated accounting units with separate accounting organizations);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

Cases requiring explanation

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):

The audit organization gives an opinion that is not a full acceptance opinion for the FS (for the FS that have been reviewed/ audited...)

Có/Yes Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanation document in case of ticked Yes

Có/Yes Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán trong năm 2024):

Profit after tax in the reporting period has a difference before and after the audit of 5% or more, changing from loss to profit or vice versa (for audited financial statements):

Có/Yes Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanation document in case of ticked Yes

Có/Yes Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Profit after corporate income tax in the income statement of the reporting period changes by 10% or more compared to the same period last year

Có/Yes Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanation document in case of ticked Yes

Có/Yes Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở kỳ báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này và ngược lại:

Profit after tax in the reporting period is a loss, changing from profit in the same period last year to a loss in this period or vice versa:

Có/Yes Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanation document in case of ticked Yes

Có/Yes Không/No

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/03/2025 tại đường dẫn <http://www.haihaco.com.vn/bao-cao-tai-chinh>

This information has been published on the Company's website on 31 March 2025 at the link

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2024:

Report on transactions valued as of 35% of the total assets in 2024

- Nội dung giao dịch/*Transaction content*:
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất:

The proportion of transaction value/total asset value of the enterprise (%) based on the most recent financial statements:

- Ngày hoàn thành giao dịch/*Transaction completion date*:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the disclosed information above is true and take full responsibility before the law for the content of the disclosed information

Đại diện tổ chức
Người được ủy quyền CBTT



ĐỖ THỊ HỒNG THỦY

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HÀ HÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Hà Nội, tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà ("Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Hùng	Chủ tịch - Người đại diện theo Pháp luật
Ông Tăng Minh Vương	Thành viên
Bà Đỗ Thị Hồng Thủy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phúc Lộc	Thành viên độc lập

Ban Giám đốc

Bà Nam Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Trung	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/02/2024)
Ông Nguyễn Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 08/07/2024)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Hội đồng quản trị và Ban giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Công ty,



Hoàng Hùng
Chủ tịch HĐQT - Người đại diện theo Pháp luật
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Số: 107 /2025/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà ("Công ty") được lập ngày 31/03/2025, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.


Các vấn đề cần nhấn mạnh

- Như đã trình bày tại thuyết minh số 30 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính: Trong năm 2024, Công ty phát sinh các giao dịch góp vốn hợp tác kinh doanh và nhận góp vốn hợp tác kinh doanh với các đối tác có quan hệ kinh tế/giao dịch thường xuyên. Số dư phải thu các hợp đồng hợp tác của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 465,5 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2024 là 1.149,082 tỷ đồng), tổng lợi nhuận phát sinh từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh là 87,42 tỷ đồng, lợi nhuận phải trả theo hợp đồng nhận hợp tác kinh doanh là 34,59 tỷ đồng. Các giao dịch về góp vốn và nhận góp vốn hợp tác kinh doanh này được thực hiện theo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác định các hợp đồng hợp tác kinh doanh này tuân thủ các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về việc xác định giá trị hợp lý của các giao dịch, cam kết chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện các nội dung cũng như mục đích sử dụng vốn góp của các hợp đồng hợp tác kinh doanh và có biện pháp phòng ngừa tổn thất phát sinh (nếu có). Theo đó, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đánh giá không có bất kỳ tổn thất nào cần phải trích lập dự phòng liên quan đến hoạt động hợp tác kinh doanh tại ngày 31/12/2024.


- Như đã trình bày tại thuyết minh số 9 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính: Trong số dư tạm ứng tại ngày 31/12/2024 bao gồm một số khoản tạm ứng phát sinh từ năm 2022 trở về trước với giá trị là 23.861.703.781 đồng. Ngày 27/03/2025, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành nghị quyết về việc thông qua tờ trình trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 phê duyệt phương án dùng Quỹ đầu tư phát triển của Công ty để xử lý tài chính đối với các khoản tạm ứng này.

Y kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.




Nguyễn Thương
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0308-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025


Nguyễn Hoàng Việt
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 4988-2024-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		698.745.833.466	1.416.313.432.314
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	64.834.713.056	11.713.871.251
1. Tiền	111		19.234.713.056	11.713.871.251
2. Các khoản tương đương tiền	112		45.600.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		573.981.539.486	1.308.771.385.970
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	127.567.217.147	120.524.720.152
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	9.314.991.162	122.611.477.640
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	438.013.817.879	1.065.635.188.178
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.270.933.405)	-
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		356.446.703	-
III. Hàng tồn kho	140		59.597.174.248	95.267.878.393
1. Hàng tồn kho	141	8	59.597.174.248	95.267.878.393
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		332.406.676	560.296.700
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	262.038.734	247.207.286
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		17.840.151	16.992.941
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	52.527.791	296.096.473
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		243.602.759.573	334.814.766.218
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		62.456.226.975	135.356.226.975
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	62.456.226.975	135.356.226.975
II. Tài sản cố định	220		137.972.343.419	153.361.179.377
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	137.532.375.689	152.572.338.551
- Nguyên giá	222		415.675.408.395	423.567.849.449
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(278.143.032.706)	(270.995.510.898)
2. Tài sản cố định vô hình	227		439.967.730	788.840.826
- Nguyên giá	228		1.242.819.280	1.242.819.280
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(802.851.550)	(453.978.454)
III. Tài sản dài hạn khác	260		43.174.189.179	46.097.359.866
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	43.174.189.179	46.097.359.866
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		942.348.593.039	1.751.128.198.532

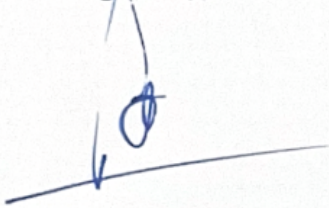
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		301.100.448.414	1.151.652.927.747
I. Nợ ngắn hạn	310		299.191.735.549	1.150.148.374.882
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	19.139.900.795	80.876.387.455
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	11	1.776.545.663	120.906.090.907
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	10.791.995.173	10.657.016.019
4. Phải trả người lao động	314		22.633.201.580	19.522.080.288
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	12.523.712.813	7.983.444.804
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	26.558.826.531	355.803.480
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	20.292.253.381	750.328.216.099
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	175.278.434.197	149.372.349.878
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.196.865.416	10.146.985.952
II. Nợ dài hạn	330		1.908.712.865	1.504.552.865
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	1.908.712.865	1.504.552.865
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		641.248.144.625	599.475.270.785
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	641.248.144.625	599.475.270.785
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		164.250.000.000	164.250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		164.250.000.000	164.250.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		33.502.910.000	33.502.910.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.656.202.300	3.656.202.300
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		392.785.590.599	345.688.716.262
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		47.053.441.726	52.377.442.223
- LNST chưa PPLK đến cuối năm trước	421a		2.801.785.026	2.801.785.026
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		44.251.656.700	49.575.657.197
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		942.348.593.039	1.751.128.198.532

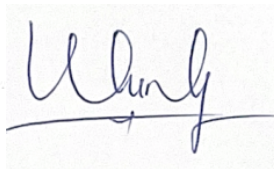
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập



Vũ Xuân Thành

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuyết Nhung



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

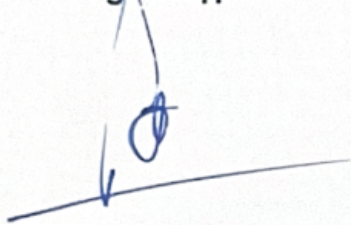
MẪU SỐ B02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm 2024	Năm 2023
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	818.031.591.431	914.966.758.715
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	45.780.538.273	48.647.998.537
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	21	772.251.053.158	866.318.760.178
4. Giá vốn hàng bán	11	22	602.660.072.061	690.884.502.788
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		169.590.981.097	175.434.257.390
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	81.836.153.107	70.531.306.330
7. Chi phí tài chính	22	24	46.365.056.738	47.105.458.087
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		46.182.872.715	46.866.276.090
8. Chi phí bán hàng	25	25	101.421.734.049	87.518.278.184
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	45.250.456.559	46.759.573.332
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		58.389.886.858	64.582.254.117
11. Thu nhập khác	31		284.263.608	505.689.943
12. Chi phí khác	32	26	1.493.832.431	523.654.547
13. Lợi nhuận khác	40		(1.209.568.823)	(17.964.604)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		57.180.318.035	64.564.289.513
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	12.928.661.335	14.988.632.316
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		44.251.656.700	49.575.657.197
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.694	2.867

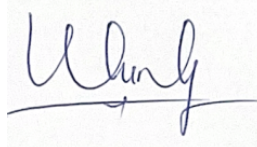
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập



Vũ Xuân Thành

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuyết Nhung



Hoàng Hùng

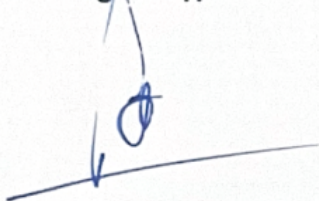
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	57.180.318.035	64.564.289.513
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	17.343.755.453	17.147.451.705
- Các khoản dự phòng	03	1.270.933.405	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(130.278.126)	77.361.008
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(80.463.992.597)	(70.052.512.082)
- Chi phí lãi vay	06	11.589.819.907	46.866.276.090
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.790.556.077	58.602.866.234
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	793.085.059.498	(638.735.281.394)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	35.670.704.145	30.196.728.024
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(878.324.697.921)	486.372.151.328
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.908.339.239	962.901.921
- Tiền lãi vay đã trả	14	(11.653.248.786)	(24.616.552.871)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.064.131.960)	(20.707.382.915)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.428.903.396)	(161.034.420)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(65.016.323.104)	(108.085.604.093)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.717.603.950)	(2.999.619.280)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	55.000.000	139.730.640
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	86.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	94.802.736.005	64.805.980.045
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	92.140.132.055	147.946.091.405
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	614.714.965.239	535.152.290.891
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(588.808.880.920)	(581.673.748.008)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	25.906.084.319	(46.521.457.117)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	53.029.893.270	(6.660.969.805)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	11.713.871.251	18.391.796.229
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	90.948.535	(16.955.173)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	64.834.713.056	11.713.871.251

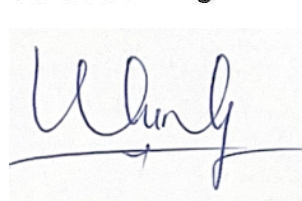
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập



Vũ Xuân Thành

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuyết Nhung



Hoàng Hùng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003614 ngày 20/01/2004; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101444379 thay đổi lần thứ 8 ngày 06/04/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 164.250.000.000 đồng tương ứng với 16.425.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là HHC.

Số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 1.064 người (tại ngày 31/12/2023 là 1.071 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất và kinh doanh các loại thực phẩm, đồ uống như bánh, kẹo, đường, sữa, cà phê, đồ uống không cồn, nước khoáng...;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Đầu tư xây dựng, cho thuê văn phòng, nhà ở, trung tâm thương mại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 25 - 27 đường Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc Công ty bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
A Các đơn vị hạch toán chung (xác định kết quả kinh doanh cùng Văn phòng Công ty)		
1 Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà 1	Đường Lạc Long Quân, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	
2 Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà 2	Số 3, đường Thanh Bình, phường Hạ Long, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.	
3 Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà	Khu Công nghiệp VSIP Bắc Ninh - Số 3, đường 8, xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	
B Các đơn vị có tổ chức hạch toán kế toán (có xác định kết quả kinh doanh của đơn vị)		
1 Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	Lô 27 đường Tân Tạo - Khu CN Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh;	Hỗ trợ tổng thầu phân phối sản phẩm của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà
2 Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	Số 134 đường Phan Thanh, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	Phân phối sản phẩm của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến luồng tiền).

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở cộng báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và báo cáo tài chính của các Chi nhánh có tổ chức hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính sau khi bù trừ số dư các khoản công nợ nội bộ, doanh thu và chi phí và các khoản điều chuyển nội bộ.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng quản trị và Ban giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) kể từ thời điểm báo cáo (ngoài các khoản chứng khoán kinh doanh), bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, thương phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các loại chứng khoán nợ khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác, không bao gồm các khoản đã được trình bày trong các chỉ tiêu "Các khoản tương đương tiền", "Phải thu về cho vay ngắn hạn" và "Phải thu về cho vay dài hạn".

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, thuế, lệ phí và phí ngân hàng... Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Lãi tiền gửi phát sinh sau ngày mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư. Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi theo thuyết minh 4.6 - Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi.

4.6. Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên và các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn phù hợp với các quy định của chế độ kế toán hiện hành.

4.7. Các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

BCC là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế. Trong mọi trường hợp, khi nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động BCC, bên nhận hạch toán là nợ phải trả.

Đối với trường hợp BCC chia lợi nhuận sau thuế, các bên phải cử ra một bên để kế toán toàn bộ các giao dịch của BCC, ghi nhận doanh thu, chi phí, theo dõi riêng kết quả kinh doanh của BCC và quyết toán thuế.

4.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

4.9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính; riêng một số tài sản cố định thuộc nhóm máy móc, thiết bị và nhóm phương tiện vận tải được tính theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.10. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị các chương trình phần mềm về quản lý và kế toán. Các chương trình phần mềm được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

4.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí bảo hiểm, chi phí trả trước tiền thuê đất tại khu công nghiệp Tân Tạo và khu Công nghiệp VSIP - Bắc Ninh, chi phí sửa chữa, công cụ, dụng cụ và các khoản chi phí trả trước khác, trong đó:

- Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời hạn bảo hiểm;
- Chi phí trả trước tiền thuê đất được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh theo thời gian của hợp đồng thuê.
- Chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian không quá 36 tháng kể từ thời điểm phát sinh.

4.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh về chuyển đổi ngoại tệ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm khoản nợ còn phải trả do đã nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa có hóa đơn hoặc các khoản chi phí của kỳ báo cáo chưa có đủ hồ sơ, tài liệu nhưng chắc chắn sẽ phát sinh cần phải được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

4.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp thực tế của cổ đông, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được trích lập và phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc tạm trích theo Điều lệ Công ty và được trích lập bổ sung/điều chỉnh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4.15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi, lãi từ các khoản đầu tư; lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán; cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi chênh lệch tỷ giá,...

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: lãi tiền vay; chiết khấu thanh toán; lỗ chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ (ngoại trừ chi phí đi vay đã được vốn hóa);
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

4.17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Công ty chưa trình bày các thuyết minh liên quan đến công cụ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

4.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Tiền mặt	99.377.642	83.929.481
Tiền gửi ngân hàng	19.135.335.414	11.629.941.770
Các khoản tương đương tiền	45.600.000.000	-
Cộng	<u>64.834.713.056</u>	<u>11.713.871.251</u>

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
IMPACT Co., Ltd (Shine Win Trading)	5.098.263.873	3.778.149.954
Công ty Cổ phần ACI Việt Nam	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Tamba	11.225.779.780	12.725.779.780
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	55.553.946.284	38.727.085.322
Các khách hàng khác	45.689.227.210	55.293.705.096
Cộng	<u>127.567.217.147</u>	<u>120.524.720.152</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản Thiên Thanh (*)	2.847.013.603	121.649.863.082
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Nội thất HTB	4.321.227.450	-
Các nhà cung cấp khác	2.146.750.109	961.614.558
Cộng	<u>9.314.991.162</u>	<u>122.611.477.640</u>

(*) Khoản ứng trước theo Hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 15/10/2021 và phụ lục hợp đồng giữa Công ty và Công ty TNHH Phát triển Bất động sản Thiên Thanh về việc mua bán hàng hóa do Bất động sản Thiên Thanh phân phối. Theo Biên bản thỏa thuận bù trừ công nợ số 01/BBTTCN ngày 16/01/2024 giữa Công ty TNHH Phát triển Bất động sản Thiên Thanh, Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà và Công ty TNHH Mesa Health, ba bên đã thống nhất bù trừ công nợ Hải Hà trả trước cho Thiên Thanh với công nợ Mesa Health đã trả trước cho Hải Hà với số tiền là 118.802.849.479 đồng trong quý 1 năm 2024. Số dư còn lại tại ngày 31/12/2024 đã được Công ty TNHH Phát triển Bất động sản Thiên Thanh chuyển trả công ty vào ngày 28/03/2025.

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2024</u>		<u>01/01/2024</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	952.966.280	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	40.501.839.864	-	40.945.809.187	-
Công cụ, dụng cụ	77.331.044	-	98.882.897	-
Thành phẩm	16.079.936.898	-	48.620.047.509	-
Hàng hoá	1.985.100.162	-	5.603.138.800	-
Cộng	<u>59.597.174.248</u>	-	<u>95.267.878.393</u>	-

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	438.013.817.879	-	1.065.635.188.178	-
Tạm ứng (6)	24.076.728.130	-	24.084.589.043	-
Công ty TNHH Dịch vụ và thương mại MESA (1)	231.000.000.000	-	917.582.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh (2)	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát triển Zeta (3)	43.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Quang Anh Quảng Trị (4)	89.500.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Hưng Thịnh	-	-	59.000.000.000	-
Dự thu lãi tiền gửi, hợp tác đầu tư	10.401.973.700	-	24.335.146.603	-
- Công ty TNHH Dịch vụ và thương mại MESA (1)	-	-	24.335.146.603	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh (2)	2.262.443.836	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát triển Zeta (3)	2.432.127.124	-	-	-
- Công ty Cổ phần Quang Anh Quảng Trị (4)	5.707.402.740	-	-	-
Các khoản phải thu khác	35.116.049	-	633.452.532	-
Dài hạn	62.456.226.975	-	135.356.226.975	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát triển Zeta (3)	-	-	43.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Quang Anh Quảng Trị (4)	-	-	89.500.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Kinh Doanh Reina (5)	62.000.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	456.226.975	-	2.856.226.975	-
Cộng	500.470.044.854	-	1.200.991.415.153	-

- Số dư phải thu khác từ Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại MESA bao gồm khoản gốc và lãi theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh và các phụ lục hợp đồng về việc góp vốn trong lĩnh vực phân phối hàng tiêu dùng, phát triển chuỗi nhà hàng, mức lãi được chia cho Hải Hà được quy định trong từng hợp đồng dựa trên số tiền Công ty đã góp vốn.
- Là khoản hợp tác góp vốn thực hiện dự án "Trồng trà Oolong chất lượng cao" tại xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng với Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 15.06/2021/HTĐT/QA-HHC ngày 15/06/2021 và các phụ lục kèm theo. Thời hạn hợp tác gia hạn đến ngày 30/06/2025. Mức lợi nhuận được chi trả cho Hải Hà từ việc hợp tác đến ngày 30/06/2024 là 10,5%/năm, từ 01/07/2024 đến ngày 31/12/2024 là 11,22%/năm trên số tiền Công ty đã góp vốn không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án. Đến ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đã thanh lý hợp đồng và thu hồi toàn số vốn góp và lợi nhuận hợp tác đầu tư tương ứng.
- Là khoản hợp tác góp vốn đầu tư để mua bán trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp có thời hạn còn lại từ 2-3 năm với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển ZETA theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 21122021/HĐHTĐT/HHC-ZETA ngày 21/12/2021 và phụ lục kèm theo. Thời gian hợp tác gia hạn đến 21/12/2025. Lợi nhuận từ việc hợp tác đến ngày 30/06/2024 là 9,95%/năm, từ 01/07/2024 đến ngày 31/12/2024 là 11,22%/năm dựa trên số tiền Công ty đã góp vốn. Đến ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đã thanh lý hợp đồng và thu hồi toàn số vốn góp và lợi nhuận hợp tác đầu tư tương ứng.
- Là khoản hợp tác góp vốn đầu tư để cùng khai thác kinh doanh Dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá tại xã Vĩnh Chấp và xã Vĩnh Linh, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị với Công ty Cổ phần Quang Anh Quảng Trị theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 1303/2023/HĐHTĐT/QAQT-HHC ngày 13/03/2023. Thời gian hợp tác là 24 tháng và lợi nhuận từ việc hợp tác là 12,65%/năm trên số tiền Công ty đã góp vốn. Đến ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đã thu được toàn bộ lợi nhuận phát sinh tương ứng.
- Là khoản góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Dịch vụ và Kinh Doanh Reina để nhận chuyển nhượng và khai thác toàn bộ tài sản và quyền lợi từ dự án "Tòa nhà hỗn hợp: Trụ sở làm việc, dịch vụ thương mại và phòng lưu trú cho thuê" có địa chỉ tại ô đất D14, đường Tôn Thất Thuyết, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Công ty được hưởng lợi tức 8% trên số vốn đã góp. Đến ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đã thanh lý hợp đồng trước hạn và thu hồi toàn số vốn góp và lợi nhuận hợp tác đầu tư tương ứng.

- (6) Ngày 27/03/2025, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết về việc thông qua tờ trình trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 phê duyệt phương án dùng Quỹ đầu tư phát triển của Công ty để xử lý tài chính liên quan đến các khoản tạm ứng phát sinh từ năm 2022 trở về trước còn số dư tại thời điểm 31/12/2024 là 23.861.703.781 đồng.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	262.038.734	247.207.286
Chi phí bảo hiểm	221.045.228	246.207.283
Các khoản khác	40.993.506	1.000.003
Dài hạn	43.174.189.179	46.097.359.866
Chi phí thuê đất tại KCN VSIP Bắc Ninh	40.190.738.198	41.451.465.337
Chi phí thuê đất tại KCN Tân Tạo (Tp. Hồ Chí Minh)	2.060.112.012	2.141.360.952
Chi phí sửa chữa, công cụ dụng cụ	-	555.555.543
Chi phí trả trước dài hạn khác	923.338.969	1.948.978.034
Cộng	<u>43.436.227.913</u>	<u>46.344.567.152</u>

11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Mesa Health (*)	-	118.802.849.479
Các khách hàng khác	1.776.545.663	2.103.241.428
Cộng	<u>1.776.545.663</u>	<u>120.906.090.907</u>

(*) Khoản ứng trước theo Hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 22/10/2021 giữa Hải Hà và Công ty TNHH Mesa Health về việc mua bán hàng hóa do Hải Hà phân phối, giá trị hợp đồng là 250 tỷ đồng. Khoản trả trước này đã được bù trừ với khoản Hải Hà trả trước cho Công ty TNHH Phát triển Bất động sản Thiên Thanh trong quý 1 năm 2024 theo Biên bản thỏa thuận bù trừ công nợ ba bên, Chi tiết tại Thuyết minh số 7.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09 - DN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2024	153.342.171.638	249.863.263.433	20.054.133.615	308.280.763	423.567.849.449
Mua sắm trong năm	-	1.105.000.000	-	1.310.490.000	2.415.490.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(10.208.040.145)	-	(99.890.909)	(10.307.931.054)
Tại ngày 31/12/2024	153.342.171.638	240.760.223.288	20.054.133.615	1.518.879.854	415.675.408.395
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2024	77.945.725.653	176.396.618.337	16.358.477.750	294.689.158	270.995.510.898
Khấu hao trong năm	4.845.423.808	10.925.119.301	903.336.578	321.002.670	16.994.882.357
Thanh lý, nhượng bán	-	(9.747.469.640)	-	(99.890.909)	(9.847.360.549)
Tại ngày 31/12/2024	82.791.149.461	177.574.267.998	17.261.814.328	515.800.919	278.143.032.706
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2024	75.396.445.985	73.466.645.096	3.695.655.865	13.591.605	152.572.338.551
Tại ngày 31/12/2024	70.551.022.177	63.185.955.290	2.792.319.287	1.003.078.935	137.532.375.689
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	48.009.652.325	107.738.655.714	11.660.343.446	208.389.854	167.617.041.339

Một số TSCĐ hữu hình của Công ty đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại theo Thuyết minh số 15.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	9.640.665.164	9.640.665.164	70.192.568.422	70.192.568.422
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ vận tải Kinh Bắc	1.987.333.057	1.987.333.057	1.143.429.217	1.143.429.217
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Minh Phương Nam Hà Nội	2.550.144.411	2.550.144.411	811.400.011	811.400.011
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	4.961.758.163	4.961.758.163	8.728.989.805	8.728.989.805
Cộng	19.139.900.795	19.139.900.795	80.876.387.455	80.876.387.455

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		31/12/2024	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	2.590.569.354	19.363.686.348	17.276.997.088	4.677.258.614	(7.560.322)	646.420.501	(7.560.322)	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(288.536.151)	439.383.057	150.846.906	-	4.141.166.660	12.928.661.335	6.005.696.035	
Thuế xuất, nhập khẩu	100.227.614	1.087.264.069	1.111.557.441	75.934.242	3.822.852.431	6.781.286.275	(44.967.469)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.199.960	711.573.897	680.667.575	33.106.282				
Thuế thu nhập cá nhân								
Thuế nhà đất, tiền thuê đất								
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác								
Cộng	10.360.919.546	41.958.275.482	41.579.727.646	10.739.467.382				

Trong đó:

- Phải thu Nhà Nước	52.527.791
- Phải nộp Nhà Nước	10.791.995.173

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN**15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (1)	80.255.006.152	80.255.006.152	370.104.161.403	327.147.381.324	123.211.786.231	123.211.786.231
Ngân hàng TMCP Quân đội (2)	64.959.022.135	64.959.022.135	244.610.803.836	257.505.178.005	52.064.647.966	52.064.647.966
Vay cá nhân	2.000.000	2.000.000	-	-	2.000.000	2.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	4.156.321.591	4.156.321.591	-	4.156.321.591	-	-
Cộng	149.372.349.878	149.372.349.878	614.714.965.239	588.808.880.920	175.278.434.197	175.278.434.197

Thông tin về các hợp đồng vay của Công ty như sau:

Ngân hàng	Hợp đồng vay	Hạn mức	Mục đích vay	Thời hạn	Tài sản đảm bảo
(1) Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Thăng Long	Số 2020225055597/2024 ngày 20/11/2024	200 tỷ VND	Bổ sung vốn lưu động	Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 20/11/2025 Thời hạn vay tối đa 6 tháng kể từ ngày giải ngân	Công trình xây dựng, các khoản lợi thu từ việc kinh doanh, khai thác giá trị quyền sử dụng đất của Công ty tại Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh, xã Phù Chấn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.
(2) Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	Số 210417.24.051.33450.TD ngày 10/06/2024	100 tỷ VND	Bổ sung vốn lưu động	Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 06/05/2025 Thời hạn vay tối đa 6 tháng kể từ ngày giải ngân	Bất động sản là Văn phòng chi nhánh Đà Nẵng tại 134A, phường Thạch Gián, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	359.866.519	423.295.398
Trích trước chi phí vận chuyển	822.921.057	406.664.725
Trích trước chi phí bán hàng	4.981.540.896	1.586.184.596
Trích trước chi phí quảng cáo	81.516.889	1.279.072.649
Các khoản trích trước khác	6.277.867.452	4.288.227.436
Cộng	12.523.712.813	7.983.444.804

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện tại ngày 31/12/2024 của Công ty bao gồm 25.165.802.719 đồng doanh thu chưa thực hiện tương ứng với giá trị hàng hóa khuyến mại Công ty ước tính còn phải trả cho khách hàng theo các chương trình bán hàng trong năm 2024. Công ty thực hiện việc xuất trả lượng hàng khuyến mại này trong quý I năm 2025.

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	20.292.253.381	750.328.216.099
KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	3.722.340.631	2.914.347.520
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	106.000.000	106.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	16.436.912.750	16.436.912.750
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Lưu Minh (*)	-	730.162.406.877
Các khoản phải trả, phải nộp khác	27.000.000	708.548.952
Dài hạn	1.908.712.865	1.504.552.865
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.908.712.865	1.504.552.865
Cộng	22.200.966.246	751.832.768.964

(*) Số dư phải trả Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Lưu Minh bao gồm tiền gốc 705.882.000.000 đồng và tiền lãi 24.280.406.877 đồng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2809/HĐHTĐT/LM-HH ngày 30/09/2023 về việc góp vốn hợp trong lĩnh vực phân phối sản phẩm bánh kẹo do Hải Hà sản xuất. Thời gian hợp tác là 12 tháng và lợi nhuận từ việc hợp tác là 13,5%/năm trên số tiền Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Lưu Minh đã góp vốn. Ngày 03/10/2024, Công ty đã thanh lý hợp đồng hợp tác này và xác định lợi nhuận trả cho Công ty Lưu Minh là 8,34%/năm trên số tiền góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	164.250.000.000	33.502.910.000	3.656.202.300	295.541.618.588	55.588.203.630	552.538.934.518
Lãi trong năm	-	-	-	-	49.575.657.197	49.575.657.197
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	50.147.097.674	(52.786.418.604)	(2.639.320.930)
Tại ngày 01/01/2024	164.250.000.000	33.502.910.000	3.656.202.300	345.688.716.262	52.377.442.223	599.475.270.785
Lãi trong năm	-	-	-	-	44.251.656.700	44.251.656.700
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	47.096.874.337	(49.575.657.197)	(2.478.782.860)
Tại ngày 31/12/2024	164.250.000.000	33.502.910.000	3.656.202.300	392.785.590.599	47.053.441.726	641.248.144.625

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-HHC ngày 27/04/2024 thông qua phương án phân phối lợi nhuận như sau: trích quỹ Đầu tư phát triển số tiền 47.096.874.337 đồng; trích quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền 2.478.782.860 đồng.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2024		01/01/2024	
	Số lượng cổ phiếu	Tỉ lệ	Số lượng cổ phiếu	Tỉ lệ
Ông Lưu Văn Vũ	3.942.000	24,00%	3.942.000	24,00%
Bà Trương Thị Bửu	3.942.000	24,00%	3.942.000	24,00%
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ	3.000.000	18,26%	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	5.541.000	33,74%	8.541.000	52,00%
Các cổ đông khác				
Cộng	16.425.000	100,00%	16.425.000	100,00%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	164.250.000.000	164.250.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	164.250.000.000	164.250.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.425.000	16.425.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.425.000	16.425.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.425.000	16.425.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.425.000	16.425.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.425.000	16.425.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phiếu		

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
- Đô la Mỹ (USD)	524.163,17	155.587,87

21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	796.575.033.116	740.407.431.920
Doanh thu bán hàng hóa	5.864.555.712	156.948.027.831
Doanh thu cung cấp dịch vụ, khác	15.592.002.603	17.611.298.964
Cộng	818.031.591.431	914.966.758.715
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Chiết khấu thương mại	37.021.749.624	33.770.825.609
- Hàng bán bị trả lại	8.758.788.649	14.877.172.928
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	772.251.053.158	866.318.760.178

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm	598.999.588.548	554.253.298.601
Giá vốn hàng hóa đã bán	3.660.483.513	136.631.204.187
Cộng	602.660.072.061	690.884.502.788

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi hợp tác đầu tư	80.869.563.102	69.912.781.442
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	130.278.126	618.524.888
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	836.311.879	-
Cộng	81.836.153.107	70.531.306.330

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay, lãi hợp tác đầu tư	46.182.872.715	46.866.276.090
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	182.184.023	161.820.989
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	-	77.361.008
Cộng	46.365.056.738	47.105.458.087

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí bán hàng	101.421.734.049	87.518.278.184
Chi phí nhân công	61.617.891.735	44.569.808.511
Chi phí vật liệu, bao bì	1.331.831.127	833.029.534
Chi phí khấu hao tài sản cố định	477.701.532	406.323.774
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.224.229.042	32.217.392.886
Chi phí khác	12.770.080.613	9.491.723.479
Chi phí quản lý doanh nghiệp	45.250.456.559	46.759.573.332
Chi phí nhân công	12.256.246.564	14.264.918.839
Chi phí vật liệu quản lý	603.877.208	280.687.482
Chi phí khấu hao tài sản cố định	855.503.980	470.314.774
Thuế, phí và lệ phí	7.122.822.277	10.434.248.837
Dự phòng phải thu khó đòi	1.270.933.405	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.265.951.952	20.386.598.792
Chi phí khác	875.121.173	922.804.608
Cộng	146.672.190.608	134.277.851.516

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	460.570.505	-
Các khoản bị phạt	695.341.229	248.346.208
Các khoản khác	337.920.697	275.308.339
Cộng	1.493.832.431	523.654.547

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	478.622.664.617	474.077.178.848
Chi phí nhân công	140.606.704.393	129.527.362.036
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.343.755.453	17.147.451.705
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.403.354.697	71.585.312.051
Chi phí khác	20.768.024.063	20.848.776.924
Dự phòng phải thu khó đòi	1.270.933.405	-
Cộng	728.015.436.628	713.186.081.564

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	57.180.318.035	64.564.289.513
<i>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</i>		
- Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
- Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.903.696.846	10.378.872.064
Thu nhập chịu thuế	61.084.014.881	74.943.161.577
- Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp năm hiện hành	12.216.802.976	14.988.632.316
- Thuế TNDN phải nộp bổ sung của các năm trước	711.858.359	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.928.661.335	14.988.632.316

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	44.251.656.700	49.575.657.197
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(2.478.782.860)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu	44.251.656.700	47.096.874.337
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	16.425.000	16.425.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.694	2.867

Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty chưa phân phối lợi nhuận năm 2024, theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 có thể được điều chỉnh phụ thuộc vào việc phân phối lợi nhuận sau thuế theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 được điều chỉnh lại theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-HHC ngày 27/04/2024 về phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

30. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC

Công ty thực hiện góp vốn hợp tác kinh doanh với một số đối tác có quan hệ kinh tế/giao dịch thường xuyên nhằm tối đa hóa việc sử dụng vốn lưu động của Công ty. Các giao dịch về góp vốn hợp tác kinh doanh và nhận hợp tác kinh doanh này được thực hiện theo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác định các hợp đồng hợp tác kinh doanh này tuân thủ các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về việc xác định giá trị hợp lý của các giao dịch, cam kết chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện các nội dung cũng như mục đích sử dụng vốn góp của các hợp đồng hợp tác kinh doanh và có biện pháp phòng ngừa tổn thất phát sinh (nếu có). Theo đó, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đánh giá không có bất kỳ tổn thất nào cần phải trích lập dự phòng liên quan đến hoạt động hợp tác kinh doanh tại ngày 31/12/2024. Chi tiết các giao dịch như sau:

Đối tác	Số dư vốn góp hợp tác kinh doanh tại 01/01/2024		Vốn góp hợp tác kinh doanh phát sinh năm 2024		Vốn góp hợp tác kinh doanh đã thu hồi năm 2024		Số dư vốn góp hợp tác kinh doanh tại 31/12/2024		Ghi chú
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND		
Góp vốn thực hiện các hợp đồng hợp tác kinh doanh									
Công ty TNHH Dịch vụ và thương mại MESA	917.582.000.000	162.000.000.000	848.582.000.000	231.000.000.000	-	Đã thanh lý 28/03/2025			
Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000	-	Đã thanh lý 28/03/2025			
Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát triển Zeta	43.000.000.000	-	-	43.000.000.000	-	Đã thanh lý 28/03/2025			
Công ty Cổ phần Quang Anh Quảng Trị	89.500.000.000	-	-	89.500.000.000	-				
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Hưng Thịnh	59.000.000.000	-	59.000.000.000	-	-				
Công ty TNHH Dịch vụ và Kinh Doanh Reina	-	62.000.000.000	-	62.000.000.000	-	Đã thanh lý 28/03/2025			
Cộng	1.149.082.000.000	224.000.000.000	907.582.000.000	465.500.000.000	465.500.000.000				
Lợi nhuận từ các hợp đồng hợp tác									
Đối tác	Số dư lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh còn phải thu tại 01/01/2024		Lợi nhuận ghi nhận trong năm 2024		Lợi nhuận đã thu trong năm 2024		Số dư lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh còn phải thu tại 31/12/2024		Ghi chú
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND		
Lợi nhuận từ các hợp đồng hợp tác									
Công ty TNHH Dịch vụ và thương mại MESA	24.335.146.603	60.920.479.558	85.255.626.161	-	-	Đã thu ngày 28/03/2025			
Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh	-	4.356.690.412	2.094.246.576	-	-	Đã thu ngày 28/03/2025			
Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát triển Zeta	-	4.565.516.166	2.133.389.042	-	-	Đã thu ngày 28/03/2025			
Công ty Cổ phần Quang Anh Quảng Trị	-	11.352.768.494	5.645.365.754	-	-	Đã thu ngày 28/03/2025			
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Hưng Thịnh	-	6.228.040.000	6.228.040.000	-	-				
Cộng	24.335.146.603	87.423.494.630	101.356.667.533	101.356.667.533	101.356.667.533				
									10.401.973.700

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (Tiếp theo)

Đối tác	Số dư nhận góp vốn hợp tác kinh doanh tại 01/01/2024	Vốn góp nhận hợp tác kinh doanh phát sinh năm 2024	Vốn góp hợp tác kinh doanh đã trả năm 2024	Số dư vốn góp hợp tác kinh doanh tại 31/12/2024	Ghi chú
	VND	VND	VND	VND	
Nhận góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Lưu Minh	705.882.000.000	-	705.882.000.000	-	
Cộng	705.882.000.000	-	705.882.000.000	-	
Đối tác	Số dư lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh còn phải trả tại 01/01/2024	Lợi nhuận phải trả trong năm	Lợi nhuận đã trả trong năm 2024	Số dư lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh còn phải trả tại 31/12/2024	Ghi chú
	VND	VND	VND	VND	
Lợi nhuận phải trả theo các hợp đồng hợp tác Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Lưu Minh	24.280.406.877	34.593.052.808	58.873.459.685	-	
Cộng	24.280.406.877	34.593.052.808	58.873.459.685	-	

Trong năm, Công ty có phát sinh các giao dịch với Công ty TNHH Dịch vụ và thương mại MESA sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Mua hàng hóa, dịch vụ	437.655.328.481	393.857.036.350
- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	98.240.558.094	92.156.093.812
- Chiết khấu thương mại	26.601.628.649	24.496.155.400

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch với bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Hoàng Hùng	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	80.000.000
Ông Tăng Minh Vương	Thành viên HĐQT	120.000.000	80.000.000
Bà Nguyễn Thị Phúc Lộc	Thành viên HĐQT	120.000.000	80.000.000
Bà Đỗ Thị Hồng Thủy	Thành viên HĐQT	120.000.000	80.000.000
Ông Nguyễn Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc	152.577.808	165.118.769
Bà Nam Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	855.068.376	144.311.385
Ông Nguyễn Thành Trung	Phó Tổng Giám đốc (Đã miễn nhiệm)	180.669.630	817.600.515
Cộng		1.668.315.814	1.447.030.669

32. THÔNG TIN KHÁC

Thù lao của Ban kiểm soát Công ty đã chi trả trong năm:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bà Đoàn Thị Thu Linh	Trưởng Ban kiểm soát	152.700.000	-
Ông Đinh Nho Liêm	Thành viên BKS	60.000.000	70.000.000
Bà Đinh Thị Thanh Tâm	Thành viên BKS	60.000.000	60.000.000
Ông Bùi Tuấn Anh	Thành viên BKS (Đã miễn nhiệm)	30.000.000	60.000.000
Cộng		302.700.000	190.000.000

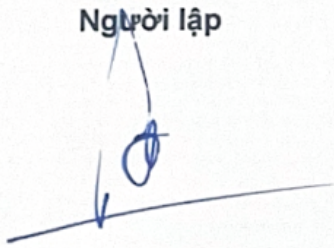
33. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

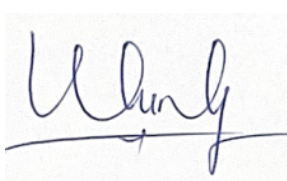
34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập


Vũ Xuân Thành

Kế toán trưởng


Nguyễn Tuyết Nhung



Hoàng Hùng